

Số: 148 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp;

Xét đề nghị của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tại Văn bản số 239/TTKN&NSNT ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4940/TTr-SNN&MT ngày 16 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp (chủ dự án), địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp tại xã Tân Thành, xã Tân Long, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên dự án: Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Địa điểm thực hiện: xã Tân Thành, xã Tân Long, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Quyết định số 294/QĐ-UBND.HC ngày 14/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp (điều chỉnh).

1.4. Quyết định số 993/QĐ-UBND-HC ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt dự án Đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nâng cấp mở rộng, đầu tư xây dựng mới trạm cấp nước và hệ thống cấp nước khai thác từ nguồn nước mặt (sông Cái Cái đối với Trạm cấp nước (TCN) Chòi Mòi; sông Tiền đối với hệ thống cấp nước (HTCN) Tân Hưng, hệ thống cấp nước Tân Hòa, hệ thống cấp nước Bình Thạnh).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích thực hiện dự án: 7.082,3 m<sup>2</sup>, trong đó:

STT	Công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh
1	TCN Chòi Mòi	695	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao đất cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp để thực hiện dự án Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước Chòi Mòi, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng (nay là xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp).
2	HTCN Tân Hưng	1.807	Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao đất cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước Tân Hưng, xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình (nay là xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp).
3	HTCN Tân Hòa	2.882,5	Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao đất cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp để thực hiện xây dựng công trình Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tại xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp).

4	HTCN Thạnh	Bình	1.697,8	Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi và giao đất cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn tại Trạm cấp nước xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp).
---	---------------	------	---------	---

- Nhóm dự án: thuộc nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tổng mức đầu tư 168.004.197.000 đồng.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Tổng công suất khai thác: 17.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó:

STT	Công trình	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)		
		Hiện hữu (sửa chữa cải tạo)	Nâng cấp (xây mới)	Tổng công suất
1	TCN Chòi Mòi	1.200	2.000	3.200
2	HTCN Tân Hưng	2.500	2.500	5.000
3	HTCN Tân Hòa	-	5.000	5.000
4	HTCN Bình Thạnh	1.600	2.500	4.100
<b>Tổng cộng</b>		5.300	12.000	17.300

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sơ đồ công nghệ xử lý Trạm cấp nước Chòi Mòi: nước mặt sông Cái Cái → ngăn phản ứng → bể lắng Lamella → bể lọc tự rửa → bể chứa nước sạch → bơm ly tâm trục ngang → mạng lưới cấp nước.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý hệ thống cấp nước Tân Hưng: nước mặt sông Tiền → bể trộn → bể lắng Lamella → bể lọc nhanh → bể chứa nước sạch → bơm ly tâm trục ngang → mạng lưới cấp nước.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý hệ thống cấp nước Tân Hòa: nước mặt sông tiền → thiết bị trộn tĩnh → bể lắng Lamella → bể lọc nhanh → bể chứa nước sạch → bơm ly tâm trục ngang → mạng lưới cấp nước.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý hệ thống cấp nước Bình Thạnh: nước mặt sông tiền → thiết bị trộn tĩnh → bể lắng Lamella → bể lọc nhanh → bể chứa nước sạch → bơm ly tâm trực ngang → mạng lưới cấp nước.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 4 năm 2036).

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./...*men*

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Tân Thành;
- UBND xã Tân Long;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GVi.

**KT. CHỦ TỊCH** *moell*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Thanh*

**Nguyễn Thành Diệu**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 148 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách vắng lai.
- Nguồn số 2: nước thải sản xuất từ quá trình súc rửa bể lọc, xả cặn bể lắng.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

##### a) Nguồn tiếp nhận nước thải:

- 01 dòng nước thải sau xử lý của Trạm cấp nước Chòi Mòi thoát ra rạch Cái Cái, đoạn chảy qua xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống cấp nước Tân Hưng thoát ra sông Tiền, đoạn chảy qua xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống cấp nước Tân Hòa thoát ra sông Tiền, đoạn chảy qua xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp.

- 01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống cấp nước Bình Thạnh thoát ra sông Tiền, đoạn chảy qua xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

b) Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ):

- Vị trí số 1: nước thải sau xử lý tại bể lắng bùn của Trạm cấp nước Chòi Mòi; tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1204858$ ;  $Y = 557727$ .

- Vị trí số 2: nước thải sau xử lý tại bể lắng bùn của hệ thống cấp nước Tân Hưng; tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1173311$ ;  $Y = 538838$ .

- Vị trí số 3: nước thải sau xử lý tại bể lắng bùn của hệ thống cấp nước Tân Hòa; tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1180052$ ;  $Y = 536978$ .

- Vị trí số 4: nước thải sau xử lý tại bể lắng bùn của hệ thống cấp nước Bình Thạnh; tọa độ vị trí xả nước thải:  $X = 1140397$ ;  $Y = 584179$ .

c) Lưu lượng xả thải lớn nhất:  $264,98 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

d) Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức.

đ) Chế độ xả thải: gián đoạn, không liên tục.

e) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng.	Không thuộc đối tượng.
2	pH	-	6 - 9		
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	≤ 40		
4	COD	mg/L	≤ 65		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		
6	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0		
7	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05		
8	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0		
9	Clo dư	mg/L	≤ 1,0		
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 5,0		
11	Tổng nitơ	mg/L	≤ 20		
12	Tổng Photpho	mg/L	≤ 4,0		
13	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, có thể tích 3,8 m<sup>3</sup>, sau đó theo ống dẫn PVC đường kính D21 mm về bể lắng bùn để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: nước thải sản xuất từ quá trình súc rửa bể lắng và bể lọc tại các cụm xử lý được thu gom qua hệ thống rãnh hở bằng đường ống uPVC D315 - D400 và các hố ga bê tông cốt thép, sau đó dẫn chảy vào bể lắng bùn (02 ngăn), tại đây nước thải được xử lý bằng phương thức lắng cơ học cùng với thời gian lưu nước tối thiểu là 3 ngày đảm bảo lắng cặn triệt để và ổn định nước thải trước khi sử dụng máy bơm chìm để xả cưỡng bức lớp nước trong bề mặt theo đường ống uPVC D49 thoát ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý cam kết đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Thông số hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất của dự án:

Trạm	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước (mm)	Số lượng
TCN	Ống thu gom nước thải	uPVC	D400	35 m

Trạm	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước (mm)	Số lượng
Chòi Mòi	Ống thoát nước thải	uPVC	D400	80 m
	Hố ga thu gom	BTCT	1.300 x 1.140 x 1.050	6 cái
	Bể lắng bùn	BTCT	15.000 x 3.000 x 3.270	01 bể
HTCN Tân Hưng	Ống thu gom nước thải	uPVC	D315	70 m
	Ống thu gom nước thải	uPVC	D76	4 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D315	120 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D49	177 m
	Hố ga thu gom	BTCT	1.100 x 940 x 1.000	6 cái
	Bể lắng bùn	BTCT	20.500 x 5.500 x 3.270	01 bể
HTCN Tân Hòa	Ống thu gom nước thải	uPVC	D400	24 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D400	95 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D49	495 m
	Hố ga thu gom	BTCT	1.300 x 740 x 1.440	3 cái
	Bể lắng bùn	BTCT	15.000 x 3.000 x 3.270	01 bể
HTCN Bình Thạnh	Ống thu gom nước thải	uPVC	D315	70 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D315	10 m
	Ống thoát nước thải	uPVC	D49	125 m
	Bể lắng bùn	BTCT	23.500 x 8.000 x 3.270	01 bể

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn) + nước thải sản xuất → bể lắng bùn → nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc liên tục, tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Duy trì bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước theo đúng quy định, lắp đặt biển báo, hàng rào và kiểm soát các hoạt động trong phạm vi vùng bảo hộ.

- Tăng cường vệ sinh, bảo dưỡng công trình thu nước, trạm bơm cấp I, đảm bảo hệ thống luôn sẵn sàng vận hành ổn định. Ngừng khai thác nếu phát hiện nguồn nước quá kiệt do thiên tai.

- Thường xuyên bảo trì, định kỳ kiểm tra rò rỉ và thay thế đường ống thoát nước đã cũ. Khi có sự cố về đường ống cấp thoát nước yêu cầu kỹ thuật lên phương án khắc phục sửa chữa ngay.

- Ngừng ngay việc thải nước thải ra nguồn tiếp nhận khi công trình xử lý nước thải gặp sự cố. Thực hiện các biện pháp ứng cứu sự cố đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn xả thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến bắt đầu từ tháng 09/2026 và kết thúc vào tháng 01/2027.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: bể lắng bùn.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	pH	-	6 - 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	≤ 40
4	COD	mg/L	≤ 65
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40
6	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0
7	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05
8	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0
9	Clo dư	mg/L	≤ 1,0
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 5,0
11	Tổng nitơ	mg/L	≤ 20
12	Tổng Photpho	mg/L	≤ 4,0
13	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3.000

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi

trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 148 /GPMT-UBND  
ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: khu vực trạm bơm cấp 1.
- Nguồn số 1: khu vực trạm bơm cấp 2, máy thổi khí.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

- Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện bảo dưỡng, tra dầu mỡ định kỳ cho các chi tiết quay. Kiểm tra độ đồng tâm của trục bơm để giảm thiểu độ rung cơ khí tại nguồn. Sử dụng đệm cao su giảm chấn dày 20 - 30 mm lót dưới chân máy.

- Công nhân sẽ được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động.

- Trồng cây xanh xung quanh trạm cấp nước để hạn chế bụi, tiếng ồn ảnh hưởng ra ngoài khu vực trạm và cải thiện điều kiện vi khí hậu trong khu vực.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)			
				TCN Chòi Mòi	HTCN Tân Hưng	HTCN Tân Hòa	HTCN Bình Thạnh
1	Bao bì chứa hóa chất	18 01 04	Rắn	10	20	20	15
2	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì)	18 02 01	Rắn	0,3	0,5	0,5	0,4
3	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	0,2	0,2	0,2	0,2
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	0,15	0,2	0,2	0,15
<b>Tổng cộng:</b>		-	-	68,2			

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh  
- Thành phần gồm sắt thép vụn, ống nhựa, bơm hư, bao bì nilon thải,... phát sinh khoảng 550 kg/tháng.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp phát sinh khoảng 44,9 tấn/tháng.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: tại mỗi công trình cấp nước của dự án khối lượng phát sinh ước tính khoảng 2,5 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa:

+ Trạm cấp nước Chòi Mòi có diện tích 7,5 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Tân Hưng có diện tích 5 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Tân Hòa có diện tích 7,5 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Bình Thạnh có diện tích 7,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, mái tôn, có gờ chống tràn và dán nhãn. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải

đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa:

+ Trạm cấp nước Chòi Mòi: diện tích 15 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Tân Hưng: diện tích 25 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Tân Hòa: diện tích 30 m<sup>2</sup>.

+ Hệ thống cấp nước Bình Thạnh: diện tích 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, mái tôn, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

- Bùn thải từ ngăn nghỉ của bể lắng bùn được phơi khô ngay trong lòng bể, sau đó được nạo vét thủ công thu gom vào các bao tải, tập kết bùn khô tại khu vực có mái che trong khuôn viên dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyên giao 6 tháng/lần. Quan trắc 01 lần/năm với thông số As, Pb, Cd, Cr, tổng chất hữu cơ dễ bay hơi.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại vào các thùng chứa rác bằng nhựa HDPE/Composite có nắp đậy, với số lượng: 03 thùng 60 lít cho mỗi trạm, được bố trí tại khu vực khuôn viên của dự án.

- Phương thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 01 lần/ngày.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

## **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 148 /GPMT-UBND

ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:** không.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.